

CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

- Đối với lô vật tư đầu tiên tập kết về công trường thì phải thực hiện thí nghiệm đủ tất cả các chỉ tiêu trong Bảng này. Từ các lô hàng sau (trong cùng 1 dự án) thì bỏ bớt các chỉ tiêu có đánh dấu *.
- Tùy theo khối lượng vật liệu của từng Dự án. Nếu không có yêu cầu thêm từ Chủ đầu tư thì các vật liệu không nằm trong bảng danh mục này có thể được nghiệm thu bằng các Chứng chỉ xuất xứ, xuất xưởng (CO, CQ) /Catalog của nhà sản xuất.
- Ngoài các tiêu chuẩn được liệt kê dưới đây. Khi dự án có yêu cầu kỹ thuật riêng của thiết kế thì phải áp dụng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của dự án để đánh giá. Nếu có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.
- Trong quá trình thi công, nếu Chủ đầu tư nghi ngờ về chất lượng sẽ yêu cầu kiểm tra lấy mẫu thí nghiệm xác xuất để kiểm tra đối chứng, Nhà thầu chịu mọi chi phí thí nghiệm liên quan.
- Chủ đầu tư có thể yêu cầu kiểm tra hoặc yêu cầu Nhà thầu kiểm tra cơ sở sản xuất hàng hóa; thí nghiệm, kiểm định chất lượng hàng hóa, vật liệu khi nghi ngờ.

TT	Tên vật liệu	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Quy cách mẫu thử	Tần suất
VẬT LIỆU HẠ TẦNG CƠ SỞ						
1	Cát (Đất) san nền	1. Thành phần hạt	TCVN 4198 : 2014	TCVN 4447:2012 hoặc theo thiết kế của dự án.	Lấy 01 mẫu 50kg. (Căn cứ theo TCVN 4198:2014, 22 TCN 333-06, 22TCN 332-06, TCVN 4197:2012)	- Đối với lô: Từ 20.000m3 đến 50.000m3 lấy mẫu 1 lần - Đối với đường: 10.000 m3 lấy mẫu 1 lần (Căn cứ theo bảng 35 TCVN 4447.2012) Hoặc theo yêu cầu thiết kế của dự án.
		2. Xác định đảm chặt tiêu chuẩn	22TCN 333-06			
		3. *Xác định chỉ số CBR	22TCN 332-06			
		4. Hàm lượng các tạp chất (Đối với cát).	TCVN 7572-8 : 2006			
		5. Tạp chất hữu cơ (Đối với cát).	TCVN 7572-9 : 2006			
		6. Chỉ số dẻo (đối với đất)	TCVN 4197:2012			
		7. Xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp dao vòng hoặc rót cát	22TCN 02-71/ 22TCN346:2006			
2	Cấp phối đá dăm	1. Xác định thành phần hạt	TCVN 7572: 2006	TCVN 8859:2011	- Loại cấp phối có Dmax=37.5 mm lấy 200kg - Loại cấp phối có Dmax=25.0 mm lấy 150kg - Loại cấp phối có Dmax=19.0 mm lấy 100kg - Lấy (50 - 250) kg tùy theo cỡ đá/ 01 tổ mẫu. (Căn cứ theo bảng 3 TCVN 7572-01:2006)	- Mẫu kiểm tra được lấy tại nguồn cung cấp, cứ 3000 m3 vật liệu cung cấp cho công trình thi ít nhất phải lấy một mẫu. - Mẫu kiểm tra được lấy ở bãi chứa tại chân công trình, cứ 1000 m3 vật liệu phải lấy ít nhất một mẫu cho mỗi nguồn cung cấp hoặc khi có sự bất thường về chất lượng vật liệu. - Cứ 800 m2 phải tiến hành thí nghiệm xác định độ chặt lu lèn tại một vị trí ngẫu nhiên. (Căn cứ theo mục 8.3 TCVN 8859:2011)
		2. Xác định độ hao mòn Los-Angeles (LA)	TCVN 7572-12: 2006			
		3. *Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ ẩm	TCVN 7572- 4:2006			
		4. *Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm	TCVN 7572-11: 2006			
		5. Đảm chặt tiêu chuẩn	22TCN 333-06			
		6. Giới hạn chảy (WL)	TCVN 4197-2012			
		7. Chỉ số dẻo (Ip)	TCVN 4197-2012			
		8. Tích số dẻo (PP)	TCVN 4197-2012			
		9. *Xác định chỉ số CBR	22TCN 332-06			
		10. Xác định hàm lượng hạt thô dẹt	TCVN 7572-13:2006			
		11. Xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346 : 2006			
		1. Thí nghiệm Marshall (độ ổn định, chỉ số dẻo, độ cứng quy ước)	TCVN 8860 -1 :2011			